

Bản án số: 76/2024/DS-ST
Ngày: 11/7/2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: bà Dương Triết Minh và ông Lý Đạt Thành.

- Thư ký phiên tòa: bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2024/TLST-DS ngày 27/02/2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐ-ST ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1974.

HKTT: số 348/8A khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: tổ 28 (khu công nghiệp) khóm P, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số 90 đường Lý Công Uân, khóm b, phường b, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Ông Lý Xuân H, sinh năm 1975

HKTT: số 8/1, tổ 1, phường t, quận t, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ tạm trú: tổ 28 (khu công nghiệp) khóm p, thị trấn p, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

+ Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1983.

HKTT: số 44/6 đường Nguyễn Du, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: tổ 28 (khu công nghiệp) khóm P, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng có mặt. Bị đơn ông H vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Thông qua mối quan hệ hàng xóm, ông Nguyễn Thành L có cho vợ chồng ông Lý Xuân H, bà Trương Thị Cẩm T vay hai lần tiền như sau:

Lần 1: ngày 06/7/2023 cho vay 100.000.000 đồng, ông L giao bằng tiền mặt. Thời hạn vay 05 tháng. Ông H hứa trả lãi suất hàng tháng (không nói rõ cụ thể mức lãi). Mục đích vay là để trả nợ. Việc cho vay số tiền này không lập thành văn bản.

Lần 2: ngày 16/10/2023, ông Nguyễn Thành L chuyển khoản 200.000.000 đồng vào tài khoản của ông Lý Xuân H (số tài khoản 6700205640788 mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Thời hạn vay 03 ngày (từ ngày 16/10/2023 đến ngày 19/10/2023), sau bà ngày ông H hứa trả gốc và lãi suất (không nói rõ cụ thể mức lãi) khi đến hạn. Mục đích vay đáo nợ ngân hàng. Việc cho vay không lập thành văn bản.

Khi đến hạn trả nợ ông L đã đến nhà ông H, bà T nhiều lần để yêu cầu trả tiền nhưng ông H, bà T cố tình lảng tránh và không thanh toán tiền như đúng cam kết.

Ngày 18/12/2023 bà T cam kết (file ghi âm nội dung và giấy xác nhận) sẽ trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Ngày 05/01/2024 và ngày 17/01/2024, tổ hòa giải khóm P, thị trấn P mời ông L và ông H, bà T đến để hòa giải nhưng ông H cố tình vắng mặt nên không H giải được.

Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Thành L yêu cầu ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền tổng cộng 308.500.000 đồng (trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 20/10/2023 đến hết ngày 31/01/2024 là 8.500.000 đồng).

Buộc ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T tiếp tục trả lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Lý Xuân H, bà Trương Thị Cẩm T phải trả số tiền 100.000.000 đồng. Chỉ yêu cầu ông Lý Xuân H, bà Trương Thị Cẩm T phải trả số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 20/10/2023 cho đến ngày 20/6/2024 (08 tháng). Ngoài ra ông H, bà T còn phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số nợ trên.

- Tại “Đơn tự khai” ngày 07/5/2024 và Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2024, bị đơn bà Trương Thị Cẩm T trình bày:

Bà với ông Lý Xuân H là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Bà với ông Nguyễn Thành L là hàng xóm nhưng bà chưa bao giờ tiếp xúc với ông L và cũng không biết ông L là người cho vay tiền. Việc ông H vay tiền của ông L bà không hề hay biết chỉ đến khi ông L đến tìm bà để đòi thì bà mới biết. Ông L cũng có yêu cầu bà trả tiền nhưng bà không đồng ý, ông H vay tiền cũng không đưa cho bà để chi tiêu trong sinh hoạt gia đình. Bà có liên hệ với ông H để hỏi về số tiền này thì ông H có nói vay để làm ăn tuy nhiên theo bà được biết thì ông H sử dụng tiền vay vào mục đích chơi đá gà.

Nay ông Nguyễn Thành L khởi kiện yêu cầu ông Lý Xuân H và bà phải trả số tiền tổng cộng vốn lãi là 308.500.000 đồng, bà không đồng ý.

- Về phía bị đơn ông Lý Xuân H: Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông H nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông L.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng mối quan hệ pháp luật, thụ lý và giải quyết đúng theo quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý hồ sơ Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khi tiến hành lập hồ sơ, ban hành các thông báo, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng và tổng đạt, niêm yết cho đương sự theo quy định tại. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh Long đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thành L đối với Lý Xuân H. Theo đó buộc Lý Xuân H có trách nhiệm trả cho ông L số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định là 10%/năm tính từ 20/10/2023 cho đến khi trả xong nợ.

- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T có trách nhiệm trả số tiền 100.000.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Trương Thị Cẩm T có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 200.000.000 đồng.

- Về án phí: Ông Lý Xuân H phải chịu án phí đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Thành L có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T phải trả số tiền vay tổng cộng vốn lãi là 308.500.000 đồng. Ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T có đăng ký tạm trú tại khóm P, thị trấn P, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

[2] Nguyên đơn bà Trương Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lý Xuân H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu trả số tiền vay 200.000.000 đồng, thấy:

Tại tờ “Cam kết nợ” có thể hiện nội dung: “Tôi tên Lý Xuân H có nợ anh Long số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Tôi hẹn sẽ trả cho anh Long vào ngày 20/11/2023...”. ông H có ký và ghi rõ họ tên vào tờ “Cam kết nợ” trên. Chứng cứ trên hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận của nguyên đơn. Như vậy việc vay tài sản giữa ông L, ông H đã xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 116; 117, 118, khoản 1 Điều 119; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”. Việc ông H vay tiền của ông L nhưng không trả đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của ông L là có cơ sở nên được chấp nhận, buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông L số tiền vốn 200.000.000 đồng.

[3.2] Về yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng: tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại phần yêu cầu ông H, bà T trả số tiền vốn 100.000.000 đồng này. Xét thấy,

đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ đối với việc rút lại yêu cầu này.

[3.3] Về yêu cầu bà Trương Thị Cẩm T có trách nhiệm với ông Lý Xuân H trả số nợ trên, thấy: ông H và bà T chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Theo bà T, ông H vay tiền của ông L bà không biết, số tiền vay này ông H cũng không sử dụng vào phục vụ sinh hoạt thiết yếu cho gia đình. Các chứng cứ nguyên đơn cung cấp không có chứng cứ nào thể hiện việc bà T vay tiền nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.4] Về lãi suất: trong quá trình vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không xác định là lãi suất bao nhiêu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ”. Như vậy, việc ông L và ông H có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định là mức lãi nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và được tính như sau:

Số tiền vay 200.000.000 đồng, từ ngày 20/10/2023 đến ngày 20/6/2024 là 08 tháng.

$200.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 13.328.000 \text{ đồng}.$

Như vậy tổng cộng vốn lãi ông H phải trả cho ông L là 213.328.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận một phần nên ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 116; Điều 117, Điều 118, khoản 1 Điều 119, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 37 và khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L.

Buộc ông Lý Xuân H phải trả cho ông Nguyễn Thành L số tiền số tiền 213.328.000 đồng (hai trăm mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ông Lý Xuân H còn phải trả tiền lãi kể từ ngày 12/7/2024 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 100.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Ông Lý Xuân H phải chịu 10.660.200 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thành L không phải chịu án phí nên được hoàn lại 7.712.500 đồng (bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013649 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Thành L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Lý Xuân H và bà Trương Thị Cẩm T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm